TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HS-ST
Ngày 10 ngày 01 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN - TỈNH SƠN LA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Nga

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Nguyên Hồng
Ông Cầm Văn Tổ

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Quỳnh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2019/HSST ngày 18 tháng 12 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Duy N. Tên gọi khác: Không. Giới tính: N. Sinh năm: 1986, tại: Vĩnh Lộc, Thanh Hóa. Nơi đăng ký HKTT: Thôn B, xã V, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Nơi ở trước khi bị bắt: Tiểu khu C, xã N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Trình độ học vấn: 6/12. Nghề nghiệp: lái xe. Quốc tịch: Việt N. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Chức vụ ĐTĐP: Không. Con ông: không xác định được. Còn bà: Nguyễn Thị H. Sinh năm 1965. Bị cáo có vợ là Đặng Thị Hồng N. Bị cáo có 01 con sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/10/2019 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị hại: Lò Văn L**.** Sinh năm 1986. Trú tại: Tiểu khu A, xã N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ ngày 29/9/2019, **Nguyễn Duy N**, sinh năm 1996, trú tại Tiểu khu 32, xã N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La đến thuê phòng trọ số 01 của gia đình Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1968, thuộc Tiểu khu A, xã N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Khoảng 08 giờ cùng ngày, N đi bộ từ phòng trọ đến quán điện tử của gia đình Lê Thị P thuộc tiểu khu 2, xã N chơi điện tử. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, N thấy Lò Văn G, sinh năm 1998, trú tại bản Sơn Pha, xã N (là bạn của N) điều khiển xe máy nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS biển kiểm soát 26K1 - 07506 đến quán. N nhờ G chở về phòng trọ, G đồng ý. Tại đây, N mở cửa phòng cho G vào chơi điện tử trên điện thoại di động, còn N nảy sinh ý định đi đến các phòng trọ còn lại cạnh đó nếu có tài sản thì trộm cắp. Khi đến phòng trọ số 5 của Lò Văn L, sinh năm 1986, trú tại Tiểu khu A, xã N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, N thấy cửa phòng khóa ngoài, quan sát không thấy có người xung quanh, N dùng hai tay cầm khóa cửa giật mạnh theo hướng từ trái sang phải thì khóa cửa mở. Quan sát trong phòng không có người, N thấy bên cạnh tủ quần áo bằng vải có 01 túi xách vải màu đen nhãn hiệu Thủ đô vàng (trong túi đựng máy vi tính xách tay), do sợ G phát hiện việc mình trộm cắp tài sản nên N đi ra bảo G quay đầu xe máy chờ N để đưa N đến nhà nghỉ Hoàng Tiếp. N đi sang phòng trọ số 05 lấy chiếc túi xách vải màu đen rồi đi đến chỗ G đang chờ, bảo G đưa đến thuê phòng số 407 nhà nghỉ Hoàng Tiếp thuộc Tiểu khu A9/5, xã N, huyện Mai Sơn. N mở chiếc túi xách vừa trộm cắp được kiểm tra thì bên trong có 01 máy tính xách tay nhãn hiệu LENOVO 14001 màu đen kèm theo sạc pin, 01 chuột máy tính không dây màu xanh nhãn hiệu FULHEN, 05 thẻ phần mềm diệt virus BKAV, 01 USB 8GB màu xanh nhãn hiệu TOSHIBA, 01 USB 4GB màu xanh nhãn hiệu ĐT 101 G2 và 02 chùm chìa khóa (01 chùm chìa khóa gồm 04 chìa khóa kim loại, 01 chùm chìa khóa gồm 03 chìa khóa kim loại kèm 01 bấm móng tay, 01 vỏ ốc khắc chữ "VŨNG TÀU"), 01 thẻ ATM của ngân hàng AGRIBANK, 01 thẻ biển tên mang tên Lò Văn L, 01 ghim bấm màu đen. N để túi xách ở cạnh chân giường, mở máy tính xách tay lên chơi điện tử, còn G nằm chơi điện tử trong điện thoại di động. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, G đi về, còn N tiếp tục nghỉ tại phòng nghỉ đến ngày 01/10/2019 thì bị Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Mai Sơn triệu tập đến làm việc, N đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của bản thân như nêu trên.

Vật chứng thu giữ: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu LENOVO 14001 màu đen kèm theo sạc pin, 01 chuột máy tính không dây màu xanh nhãn hiệu FULHEN, 05 thẻ phần mềm diệt virus BKAV, 01 USB 8GB màu xanh nhãn hiệu TOSHIBA, 01 USB 4GB màu xanh nhãn hiệu ĐT 101 G2, 02 chùm chìa khóa (01 chùm chìa khóa gồm 04 chìa khóa kim loại, 01 chùm chìa khóa gồm 03 chìa khóa kim loại kèm 01 bấm móng tay, 01 vỏ ốc khắc chữ "VŨNG TÀU"), 01 thẻ ATM của ngân hàng AGRIBANK, 01 thẻ biển tên mang tên Lò Văn L, 01 ghim bấm màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1202 màu xanh kèm 01 sim thu giữ của **Nguyễn Duy N**.

Ngày 02/10/2019, Hội đồng định giá tài sản huyện Mai Sơn kết luận định giá tài sản số 862/KL-HĐ kết luận: *"01 túi vải màu đen nhãn hiệu THỦ ĐÔ VÀNG có dây đeo, 01 máy tính xách tay nhãn hiệu LENOVO 14001 màu đen kèm theo sạc pin, 01 chuột máy tính không dây màu xanh nhãn hiệu FULHEN, 05 thẻ phần mềm diệt virus BKAV, 01 USB 8GB màu xanh nhãn hiệu TOSHIBA, 01 USB 4GB màu xanh nhãn hiệu ĐT 101 G2 và 02 chùm chìa khóa (01 chùm chìa khóa gồm 04 chìa khóa kim loại, 01 chùm chìa khóa gồm 03 chìa khóa kim loại kèm 01 bấm móng tay, 01 vỏ ốc khắc chữ "VŨNG TÀU"), 01 thẻ ATM của ngân hàng AGRIBANK, 01 thẻ biển tên mang tên Lò Văn L, 01 ghim bấm màu đen có tổng giá trị 3.900.000VNĐ".*

Tại phiên toà bị cáo Nguyễn Văn N đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Bị hại Lò Văn L vắng mặt tại phiên tòa, theo nội dung đơn xin xét xử vắng mặt, cũng như lời khai trong quá trình điều tra, bị hại Lợi xác định đã nhận lại toàn bộ tài sản bị cáo N trộm cắp. Bị hại Lợi không đề nghị bị cáo phải bồi thường gì thêm. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bản cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 17/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn đã truy tố bị cáo **Nguyễn Duy N** về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Sau khi kết thúc phần thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội đối với bị cáo và đã giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo cáo trạng và đề nghị hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 07 tháng đến 09 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo N.

Về vật chứng: áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: chấp nhận việc cơ quan diều tra đã trao trả lại cho người bị hại Lò Văn L 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo 14001 màu đen kèm theo sạc pin, 01 chuột máy tính không giây màu xanh nhãn hiệu Fulhen, 05 thẻ phần mềm diệt virus BKAV, 01 USB 8GB màu xanh nhãn hiêu TOSHIBA; 01 USB 4 CB màu xanh nhãn hiệu DDT101 G2, 02 chùm chìa khóa, 01 thẻ ATM, 01 thẻ biển tên Lò Văn L, 01 túi vải màu đen, 01 ghim bấm màu đen.

Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1202 màu xanh kèm 01 sim thu giữ của **Nguyễn Duy N**.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc bị hại Lò Văn L không đề nghị bị cáo phải bồi thường gì.

Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000VNĐ.

Bị cáo **Nguyễn Duy N** tự bào chữa: Nhất trí với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mai Sơn, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra, truy tố, và tại phiên tòa hôm nay không có người nào có ý kiến hoặc khiến nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi của bị cáo **Nguyễn Duy N** thì thấy rằng: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận: Ngày 29/9/2019, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của Lò Văn L, **Nguyễn Duy N** đã lén lút trộm cắp 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo 14001 màu đen kèm theo sạc pin, 01 chuột máy tính không giây màu xanh nhãn hiệu Fulhen, 05 thẻ phần mềm diệt virus BKAV, 01 USB 8GB màu xanh nhãn hiêu TOSHIBA; 01 USB 4 CB màu xanh nhãn hiệu DDT101 G2, 02 chùm chìa khóa, 01 thẻ ATM, 01 thẻ biển tên Lò Văn L, 01 túi vải màu đen; 01 ghim bấm màu đen của Lò Văn L. Giá trị tài sản trộm cắp là 3.900.000VNĐ.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như Đơn trình báo của bị hại Lò Văn L, lời khai của bị hại Lò Văn L, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 01/10/2019, kết luận định giá tài sản số 862/KL-HĐ ngày 02/10/2019 của Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân huyện Mai Sơn... Qua tranh luận tại phiên tòa không có gì mâu thuẫn. Như vậy, đã có đầy đủ cơ sở kết luận bị cáo **Nguyễn Duy N** đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản. Với việc trộm cắp tài sản có giá trị 3.900.000VNĐ thì Viện kiểm sát truy tố và tòa án xét xử bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai cho bị cáo.

Điều 173 BLHS năm 2015 quy định*: *Tội Trộm cắp tài sản

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

[3] Xét thấy tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng: hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, dân sự. Biết hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng do muốn có tiền tiêu sài cho bản thân nên bị cáo đã phạm tội với lỗi cố ý.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; khi bị phát hiện bị cáo đã ra cơ quan điều tra để tự thú hành vi của mình; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự sẽ được Hội đồng xét xử áp dụng khi lượng hình đối với bị cáo.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Tuy nhiên, bị cáo không có nơi cư trú, làm việc ổn định. Bản thân bị cáo khai nhận là người sử dụng ma túy. Để có tiền mua ma túy sử dụng bị cáo đã phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc là tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo giáo dục đối với bị cáo, đồng thời mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên toà thấy rằng. Bị cáo không có việc làm ổn định, không có nguồn thu nhập chính, không có nhà cửa, tài sản gì có giá trị do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, vì có áp dụng thì bị cáo cũng không có khả năng để thi hành.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo 14001 màu đen kèm theo sạc pin, 01 chuột máy tính không giây màu xanh nhãn hiệu Fulhen, 05 thẻ phần mềm diệt virus BKAV, 01 USB 8GB màu xanh nhãn hiêu TOSHIBA; 01 USB 4 CB màu xanh nhãn hiệu DDT101 G2, 02 chùm chìa khóa, 01 thẻ ATM, 01 thẻ biển tên Lò Văn L, 01 túi vải màu đen; 01 ghim bấm màu đen do bị cáo N giao nộp. Xác định đây là tài sản bị cáo trộm cắp của Lò Văn L. Cơ quan điều tra đã trao trả lại toàn bộ tài sản cho bị hại Lò Văn L là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Cần chấp nhận.

Đối với 01 điện thoại Nokia thu giữ của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc bị hại Lò Văn L không đề nghị bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Duy N** phạm tội Trộm cắp tài sản

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Duy N** 07 (bẩy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 03/10/2019).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Chấp nhận việc cơ quan điều tra đã trao trả lại cho người bị hại Lò Văn L 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo 14001 màu đen kèm theo sạc pin, 01 chuột máy tính không giây màu xanh nhãn hiệu Fulhen, 05 thẻ phần mềm diệt virus BKAV, 01 USB 8GB màu xanh nhãn hiêu TOSHIBA; 01 USB 4 CB màu xanh nhãn hiệu DDT101 G2, 02 chùm chìa khóa, 01 thẻ ATM, 01 thẻ biển tên Lò Văn L, 01 túi vải màu đen, 01 ghim bấm màu đen.

Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1202 màu xanh kèm 01 sim thu giữ của **Nguyễn Duy N**.

3. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc bị hại Lò Văn L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về thiệt hại.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000VNĐ (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- Viện KSND huyện Mai Sơn;
- Công an huyện Mai Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Phạm Thị Thanh Nga

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mai Sơn, ngày tháng năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN TỈNH SƠN LA.

Vào hồi … giờ … ngày 10 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn,

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:***Bà Phạm Thị Thanh Nga.**

Các hội thẩm nhân dân: Ông .....

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/HSST ngày 18/12/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Duy N. Sinh năm: 1966. Nơi ĐKNKTT: Thôn Bèo, xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. **Về tội danh:**

Ngày 29/9/2019, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản Lò Văn L, **Nguyễn Duy N** đã lén lút trộm cắp 01 máy tính sách tay và một số tài sản kèm theo máy tính có tổng giá trị là 3.900.000đ

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Qua tranh luận tại phiên tòa không có gì mâu thuẫn. Như vậy đã có đầy đủ cơ sở kết luận bị cáo **Nguyễn Duy N** đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản. Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Nguyễn Duy N** phạm tội Trộm cắp tài sản. Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kết quả biểu quyết : 3/3 nhất trí.

2. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; khi bị phát hiện bị cáo đã ra cơ quan điều tra để tự thú hành vi của mình; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự sẽ được Hội đồng xét xử áp dụng khi lượng hình đối với bị cáo.

3. Về Điều luật áp dụng và mức hình phat đối với bị cáo

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Duy N** 07 (bẩy) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 03/10/2019).

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Kết quả biểu quyết : 3/3 nhất trí.

4. Về vật chứng :

Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

chấp nhận việc cơ quan diều tra đã trao trả lại cho người bị hại Lò Văn L 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo 14001 màu đen kèm theo sạc pin, 01 chuột máy tính không giây màu xanh nhãn hiệu Fulhen, 05 thẻ phần mềm diệt virus BKAV, 01 USB 8GB màu xanh nhãn hiêu TOSHIBA; 01 USB 4 CB màu xanh nhãn hiệu DDT101 G2, 02 chùm chìa khóa, 01 thẻ ATM, 01 thẻ biển tên Lò Văn L, 01 túi vải màu đen, 01 ghim bấm màu đen.

Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1202 màu xanh kèm 01 sim thu giữ của **Nguyễn Duy N**.

Kết quả biểu quyết : 3/3 nhất trí.

5. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc bị hại Lò Văn L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về thiệt hại.

Kết quả biểu quyết : 3/3 nhất trí.

6. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng chẵn), án phí dân sự sơ thẩm là 200.000đ

Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Tiếp tục tạm giam bị cáo trong hạn 45 ngày để bảo đảm cho công tác thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Biên bản kết thúc hồi giờ phút cùng ngày. Đã thông qua hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3 đạt 100% tất cả các vấn đề trên và cùng ký tên dưới đây.

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- chủ toạ phiên toà**